

Tìm hiểu mô hình giáo dục đại học trên thế giới - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Trần Văn Tóp¹, Bùi Thị Thúy Hằng²

¹ Email: top.tranvan@hust.edu.vn

² Email: hang.buihithuy@hust.edu.vn

Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
Số 01 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết giới thiệu mô hình giáo dục đại học của một số nước tiêu biểu ở ba châu lục: Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Á. Các loại hình đào tạo đại học, số lượng sinh viên đăng kí học đại học, các hình thức tuyển sinh đại học và các chính sách, kiểm định chất lượng của các trường đại học được trình bày và phân tích. Cuối cùng sẽ là một số nhận xét được rút ra làm bài học kinh nghiệm cho giáo dục đại học ở Việt Nam.

TỪ KHÓA: Giáo dục đại học; loại hình đại học; chính sách giáo dục đại học; chất lượng giáo dục đại học.

→ Nhận bài 03/12/2018 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 15/01/2019 → Duyệt đăng 25/02/2019.

1. Đặt vấn đề

Những thay đổi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với những yêu cầu đổi mới của nền kinh tế hiện nay không thể nằm ngoài lề của nền giáo dục (GD) trên thế giới. Các trường đại học (ĐH) ở trong nước cũng đang tìm kiếm những mô hình phát triển cho phù hợp. Mô hình đó như thế nào? Có những đặc điểm gì? Việc tìm hiểu nền GD ĐH của một số nước tiên tiến trên thế giới, đặc biệt là của các quốc gia trong khu vực sẽ giúp chúng ta rút ra được những bài học và những hướng đi phù hợp với nền GD cho nước mình. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ đi sâu tìm hiểu nền GD ĐH của một số nước phát triển, trước hết phải kể đến nền GD Bắc Mỹ, Tây Âu và các nước đi đầu trong công cuộc cải tổ GD ĐH ở Châu Á. Phần cuối của bài viết sẽ là những nhận xét và bài học kinh nghiệm đối với nền GD ĐH ở Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mô hình giáo dục đại học của Mỹ

GD bậc cao tại Mỹ bao gồm các bậc học: ĐH – Cao đẳng, Thạc sĩ, Tiến sĩ và nghiên cứu sau Tiến sĩ. Năm 2012, theo số liệu thống kê của Trung tâm Quốc gia về GD, Hoa Kỳ có tổng số 4.726 cơ sở GD ĐH, trong đó: 3.026 trường ĐH 4 năm và 1.700 trường cao đẳng 2 năm. Đến năm 2014–2015, tổng số đã giảm xuống còn 4.627 cơ sở (https://en.wikipedia.org/wiki/Higher_education_in_the_United_States). Hệ thống GD ĐH của Mỹ gồm 3 loại hình trường chính, mỗi loại đều có cả trường công và trường tư.

- **Các trường cao đẳng cộng đồng (Community colleges)**

2 năm: Các trường này chủ yếu phục vụ cho một vùng, một địa phương nào đó. Hoàn tất 2 năm, sinh viên (SV) có thể theo *Chương trình chuyển đổi* học tiếp lên ĐH 4 năm để lấy bằng cử nhân.

- **Các trường kỹ thuật (Technical schools):** Các trường kỹ thuật là những cơ sở đào tạo 4 năm tập trung vào một lĩnh vực thương mại nhất định hoặc các kỹ năng kỹ thuật mà mục tiêu chủ yếu là để bước vào thế giới việc làm.

- **Các trường ĐH tổng hợp (Universities):** Trường ĐH tổng hợp phát triển theo định hướng nghiên cứu, cung cấp các chương trình đào tạo ĐH và sau ĐH.

Hệ thống GD Mỹ rất linh hoạt, cho phép SV thay đổi ngành học chính bất cứ lúc nào, vì thế SV có thể theo đuổi ngành học mà họ thích thú, đam mê hoặc xuất sắc. Tốt nghiệp ĐH, SV có cơ hội được học lên cao học để nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp. Các chương trình cao học thường kéo dài từ một đến hai năm để được cấp bằng thạc sĩ. Để lấy bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 4 năm để nghiên cứu. Trong thời gian đó, họ phải theo học một vài môn, tham dự các buổi hội thảo và tham gia giảng dạy. Họ cũng cần có ít nhất 1 đến 2 bài báo khoa học được giới chuyên môn công nhận và ấn hành để tốt nghiệp lấy bằng tiến sĩ.

Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không có một hệ thống GD toàn quốc. Hiến pháp không quy định trách nhiệm GD của chính phủ liên bang nên tất cả các vấn đề GD đều thuộc về từng bang. Các trường ĐH Mỹ có quyền tự chủ rất lớn. Hội đồng quản trị trường ĐH chịu trách nhiệm chủ yếu về các vấn đề tài chính, hoạch định và thực hiện các chiến lược, đánh giá hoạt động của nhà trường và của ban giám hiệu. Các trường đặc biệt quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu, có sự cạnh tranh về SV giỏi, giảng viên giỏi, về kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học, uy tín của trường. Chính sự cạnh tranh đã giúp cho các trường ĐH đào tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao [1].

Hệ thống GD của Mỹ được đánh giá là có chất lượng kiểm định rất cao. Ở Mỹ, nhà trường được phép hoạt động là do đáp ứng các yêu cầu về thành lập trường theo quy định từng tiểu bang như cơ sở vật chất, tính an toàn, tiền kí quỹ, thuế... Còn việc kiểm định (*accreditation*) lại liên quan đến chất lượng của các chương trình đào tạo (*academic quality*). Nước Mỹ có hai cơ quan công nhận các tổ chức kiểm định là Bộ GD liên bang (*U.S. Department of Education, USDE*) và Hội đồng kiểm định GD ĐH (*Council for Higher Education Accreditation, CHEA*). Hai cơ quan này không trực tiếp

kiểm định các trường mà các trường được kiểm định thông qua các tổ chức kiểm định [2].

Hiện nay, Mĩ là một trong những nước xuất khẩu dịch vụ GD lớn nhất thế giới, với chính sách “trái thăm đố” mời SV nước ngoài mong muốn tới du học. Mĩ luôn là quốc gia được SV lựa chọn nhiều nhất, có đến 1,1 triệu SV nước ngoài trong tổng số 4,6 triệu SV nhập học trên toàn thế giới vào năm 2017 (<https://www.migrationpolicy.org/article/international-students-united-states>).

2.2. Mô hình giáo dục đại học của Pháp

Một hệ thống GD đa dạng và hiệu quả

Nước Pháp có hơn 3500 cơ sở đào tạo ĐH của nhà nước và tư nhân được quốc tế công nhận, trong đó: 85 trường ĐH tổng hợp, 224 trường kĩ sư, 220 trường thương mại và quản lí, 20 trường kiến trúc, 120 trường nghệ thuật. Ngoài ra, còn có 3000 cơ sở đào tạo, trường lớn hoặc viện đào tạo khác (<http://www.vietnam.campusfrance.org/vi/node/10646>).

- Các trường ĐH công lập có mặt trên khắp lãnh thổ Pháp. Các chương trình đào tạo phủ hết các lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu: Khoa học, văn chương, nghệ thuật, khoa học xã hội và nhân văn, sức khỏe và thể thao. Tất cả những học sinh có bằng tú tài hoặc một bằng tương đương đều có thể đăng kí vào năm thứ nhất của các trường ĐH này.

- Các trường lớn cấp bằng kĩ sư (Bac+5) tương đương với trình độ thạc sĩ được Nhà nước công nhận. Các chuyên ngành đào tạo bao gồm khoa học kĩ sư, thương mại và quản lí, hành chính, quốc phòng, GD ĐH, sau ĐH và nghiên cứu. Việc tuyển chọn đầu vào rất khắt khe, thông thường dưới hình thức thi tuyển sau 2 năm học dự bị sau khi tốt nghiệp tú tài.

- Gần 3000 cơ sở GD ĐH công lập hoặc tư thực cung cấp các khóa học trong các lĩnh vực đặc biệt (<https://www.campusfrance.org/fr/etablissements-enseignement-superieur-France>) như sức khỏe, phát thanh truyền hình, truyền thông, báo chí, thời trang và thiết kế, nông học, khoa học chính trị.... Việc tuyển chọn vào những cơ sở GD này được thực hiện thông qua thi tuyển hoặc xét hồ sơ. Thời gian đào tạo thường kéo dài từ 2 đến 5 năm.

- Nước Pháp có khoảng 50 trường đào tạo về nghệ thuật và nghệ thuật ứng dụng công lập trực thuộc Bộ Văn hóa. Các chương trình đào tạo về nghệ thuật, thiết kế và truyền thông gồm 2 bậc đào tạo cử nhân và thạc sĩ kéo dài 3 hoặc 5 năm cấp bằng cấp quốc gia. Việc tuyển chọn vào các trường này rất khắt khe dựa trên hồ sơ, thi tuyển và/hoặc phỏng vấn.

- Các học viện quốc gia về kiến trúc tạo thành một hệ thống bao gồm 20 trường công lập dưới sự quản lí của Bộ Văn hóa và Bộ GD ĐH, nghiên cứu và đổi mới. Các cơ sở này gồm 3 bậc đào tạo gồm cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ cấp bằng quốc gia.

- 113 học viện công nghệ (<http://iut.fr/le-reseau-des-iut>) nằm trong các trường ĐH phân bố trên khắp lãnh thổ nước Pháp cung cấp chương trình đào tạo 2 năm để nhận bằng ĐH công nghệ (*Diplôme universitaire de technologie*, DUT). Chương trình đào tạo này được xây dựng bởi các

giảng viên ĐH và chuyên gia trong lĩnh vực nghề nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng trực tiếp gia nhập vào thị trường lao động, có thể học tiếp lên cử nhân hoặc thi vào các trường lớn. Mỗi cơ sở đào tạo đều có quy định riêng về tiêu chí tuyển sinh, tùy theo quá trình đào tạo trước đó và trình độ của SV cũng như những yêu cầu của chương trình đào tạo.

Một quốc gia không thuộc khối Anh ngữ đón nhiều SV quốc tế nhất

Năm 2015-2016, nước Pháp đón nhận 310.000 SV nước ngoài, là quốc gia đứng thứ tư trên thế giới trong việc tiếp nhận SV quốc tế, chỉ sau Hoa Kỳ, Anh Quốc và Australia và là quốc gia Pháp ngữ thu hút SV nhiều nhất thế giới.

Nước Pháp thu hút được nhiều SV quốc tế là bởi: Có 1200 chương trình đào tạo bằng tiếng Anh ở tất cả các cơ sở đào tạo; Chính phủ chi trả cho tất cả các cơ sở GD công lập, không phân biệt SV nước ngoài hay SV Pháp (mới đây, Thủ tướng Pháp Edouard Philippe công bố bắt đầu từ tháng 9 năm 2019, Chính phủ nước này sẽ áp dụng mức học phí mới là 2,770 euro đối với hệ ĐH và 3,770 euro cho hệ sau ĐH đối với SV nước ngoài không thuộc liên minh châu Âu nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh với các nước khác như Canada hay Đức); Có 31 công ti Pháp trong số 500 công ti hàng đầu thế giới; Có 9/10 SV quốc tế hài lòng về việc học tập, sinh sống tại Pháp và giới thiệu nước Pháp.

Một hệ thống phong phú và thống nhất trên khắp Châu Âu

Nền GD ĐH và sau ĐH Pháp áp dụng hệ thống chung của các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu có tên là L-M-D (“Licence-Master-Doctorat “Cử nhân-Thạc sĩ-Tiến sĩ”). Việc cấp bằng trên cơ sở một cấu trúc chung (L-M-D) dựa trên số lượng các học kì đã hoàn thành và số lượng tín chỉ được công nhận ở mức độ của Liên minh Châu Âu (*European Credits Transfer System - ECTS*). Các tín chỉ ECTS có thể được tích lũy và chuyển. Ví dụ, trong trường hợp SV theo học một lúc tại nhiều cơ sở đào tạo của Châu Âu: 1) *Cử nhân*: 6 học kì với số lượng tín chỉ tương đương với 180 ECTS (3 năm học); 2) *Thạc sĩ*: Yêu cầu 4 học kì sau trình độ cử nhân, tương đương với 120 ECTS (tổng cộng 5 năm học và 300 ECTS); 3) *Tiến sĩ*: thông thường sau 16 kì học (tổng cộng 8 năm đào tạo). Các bằng quốc gia ở trình độ ĐH và sau ĐH được đặt dưới sự quản lí của Nhà nước và phải tuân thủ các tiêu chí chung về chất lượng đào tạo.

2.3. Mô hình giáo dục đại học ở Phần Lan

Hệ thống GD ĐH ở Phần Lan bao gồm hai khối song song với nhau: Các trường ĐH (*universities*) và các trường khoa học ứng dụng (*universities of applied sciences*), thường được gọi là các trường polytechnics.

- Các trường ĐH chuyên sâu về nghiên cứu cấp bằng cử nhân và bằng thạc sĩ, cũng như các chứng chỉ sau ĐH và bằng tiến sĩ.

- Các trường polytechnics dạy những môn xuất phát từ nhu cầu đào tạo nghề và chuyên môn, cấp bằng liên quan đến thực tế việc làm.

Hệ thống GD ĐH của Phần Lan bao gồm 14 cơ sở GD

ĐH (9 ĐH nghiên cứu, 2 ĐH đa ngành nghề, 2 ĐH kỹ thuật và 1 trường kinh tế và quản trị kinh doanh) và 26 trường ĐH khoa học ứng dụng. Các trường này đều tuân theo quy trình cải cách Bologna của toàn châu Âu. Theo đó, cần có 3 năm để lấy bằng cử nhân và 2 năm tiếp theo để lấy bằng thạc sĩ. Chương trình đào tạo được tổ chức theo module và học chế tín chỉ châu Âu. Nhiều chương trình thạc sĩ được dạy bằng tiếng Anh, các chương trình mở để tiếp nhận nhiều SV nước ngoài đến từ khắp châu Âu. Năm 2012, có 10 014 SV Phần Lan theo học ở nước ngoài, trong khi đó có 9655 SV nước ngoài đến học tập tại Phần Lan [3].

Năm 2016, Phần Lan có 154 700 SV học ĐH, trong đó 81 300 SV bậc cử nhân và 54 400 SV bậc thạc sĩ, 18 900 SV sau ĐH, trong đó khoảng 1050 học để lấy bằng tiến sĩ cấp cơ sở (*licentiate*) và khoảng 17 800 lấy bằng tiến sĩ.

Tuyển sinh ĐH: Các trường ĐH và các trường polytechnics lựa chọn SV một cách độc lập và quyết định số lượng SV vào từng lĩnh vực cụ thể dựa trên mục tiêu về số lượng SV tốt nghiệp. Cách tuyển chọn SV phổ biến nhất dựa trên kết quả học tập ở bậc phổ thông cùng với điểm thi tuyển sinh, hoặc dựa trên kết quả học tập ở bậc phổ thông và chứng nhận tốt nghiệp trung học. Một số lĩnh vực còn nhấn mạnh đến kinh nghiệm làm việc, nghiên cứu, đào tạo thực hành... Các cuộc thi tuyển được thiết kế để đánh giá động cơ, sự phù hợp và thái độ của ứng viên đối với lĩnh vực liên quan.

Các trường ĐH (Universities)

Sứ mạng của các trường ĐH là tiến hành nghiên cứu khoa học và cung cấp các chương trình đào tạo ĐH và sau ĐH dựa trên các thành tựu nghiên cứu. GD ĐH ở Phần Lan được chia thành hai cấp độ: Cử nhân và thạc sĩ. Không giống với các nước khác, SV được nhận vào ĐH có quyền hoàn thành cả bằng cử nhân và thạc sĩ. Phần lớn SV đặt mục tiêu có bằng thạc sĩ, rất ít SV rời khỏi trường ĐH sau khi học xong bậc cử nhân. Sau khi tốt nghiệp ở trình độ thạc sĩ, SV có thể ứng tuyển vào các vị trí nghiên cứu sau ĐH. Ở Phần Lan, “*graduate studies*” tương đương với trình độ thạc sĩ, còn “*postgraduate*” tương đương với trình độ tiến sĩ cấp cơ sở (*Licentiate*) và tiến sĩ (*Doctorate*).

Việc học tập ở các trường ĐH rất độc lập. Ngay từ bậc cử nhân, SV đã tự chịu trách nhiệm cho các kế hoạch học tập của mình và có sự linh hoạt khi lựa chọn các khóa học và thi cử. Các SV tương đối tự do trong việc xác định tỉ lệ và định hướng của các khóa học. Nhiều khóa học có thể được thông qua bằng việc đọc và kiểm tra trên các cuốn sách được giảng viên yêu cầu đọc thay cho việc có mặt tại các buổi học (<http://www.fulbright.fi/en/guide/higher-education>).

Các trường ĐH khoa học ứng dụng (Polytechnics)

Các trường ĐH khoa học ứng dụng liên hệ mật thiết với doanh nghiệp, công nghiệp và dịch vụ đặc biệt là ở cấp khu vực, đào tạo các chuyên gia để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Các trường ĐH khoa học ứng dụng thực hiện một số nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển (R & D) nhấn mạnh tính ứng dụng và tính thực tế nhằm hỗ trợ giảng dạy và thúc đẩy sự phát triển trong khu vực. Các trường này không thuộc chính phủ mà là sở hữu của các thành phố hoặc các

tổ chức tư nhân. Tuy nhiên, họ vẫn nhận được kinh phí từ bộ GD. Bằng cấp mang tính chuyên ngành và thời gian học mất khoảng từ 3.5 đến 4 năm để hoàn thành 210-240 tín chỉ châu Âu (ECTS) (<http://www.euroeducation.net/prof/finco.htm>).

Giống như các trường ĐH, các trường ĐH ứng dụng cũng được chia thành các cấp độ cử nhân và thạc sĩ. SV các trường này thường được yêu cầu có kinh nghiệm làm việc 3 năm trước khi ứng tuyển vào các chương trình lấy bằng thạc sĩ. Họ cũng có thể nộp đơn vào chương trình thạc sĩ ở các trường ĐH với điều kiện tham gia vào một số khóa học bổ sung.

2.4. Mô hình giáo dục đại học của Hàn Quốc

Mục tiêu và các loại hình GD ĐH Hàn Quốc

Mục tiêu của GD ĐH là phát triển nhân cách của SV, giảng dạy và nghiên cứu các lí luận sâu sắc về khoa học và nghệ thuật cần thiết cho sự phát triển của quốc gia và xã hội. Phần lớn các khóa cử nhân kéo dài 4 năm. Các ngành Y, Dược, Nha sĩ, Y học cổ truyền, Thú y thời gian học bắt buộc là 6 năm. Các trường cao đẳng được vận hành theo các khối khoa học xã hội, khoa học công nghệ, nghệ thuật, y tế, thời gian học từ 2 đến 3 năm. Có hai loại trường ĐH tại Hàn Quốc là các trường ĐH tư, trường ĐH công và ĐH quốc gia: 1) Các trường ĐH tư được điều hành bởi các Tổ chức GD (*Educational Institutions*); 2) Các trường ĐH công và ĐH quốc gia được điều hành bởi chính quyền địa phương hoặc Chính phủ.

Theo báo cáo thống kê năm 2011, Hàn Quốc có 376 cơ sở GD ĐH chính quy trong đó có 179 trường ĐH tư thực 4 năm, 43 trường ĐH quốc gia, công nghệ, ĐH đào tạo từ xa và các hình thức khác, 149 trường cao đẳng 2 năm và 3 năm (http://www.obhe.ac.uk/newsletters/borderless_report_october_2011/higher_education_in_south_korea).

Tuyển sinh ĐH và tỉ lệ SV

Để vào được các trường ĐH, các thí sinh cần được công nhận khả năng học tập ở bậc trung học và hồ sơ cần thiết bao gồm hồ sơ trung học, điểm trắc nghiệm năng lực học sinh phổ thông (*College Scholastic Ability Test* CSAT), điểm thi ĐH, v.v... Các trường ĐH tự quyết định tỉ lệ, phương pháp và quy trình sàng lọc thí sinh. Tỉ lệ nhập học ĐH ở Hàn Quốc tăng từ 33% (năm 1990) lên 71% (năm 2015). Số lượng người nhận bằng tiến sĩ tăng từ 2.500 (năm 1990) lên 13.000 (năm 2015) (<http://english.moe.go.kr/sub/info.do?m=020105&s=english>). Theo học viện quốc gia về GD quốc tế, Hàn Quốc đạt mức tăng trưởng kỉ lục về số lượng SV quốc tế, 123.850 SV vào tháng tư năm 2017 (<https://thepienews.com/data/south-korea-record-high-growth-in-intl-student-numbers/>). Do sự sụt giảm dân số trong độ tuổi đi học và sự tiến tới của thời đại kinh tế sáng tạo, chính phủ đã hỗ trợ cải cách chất lượng các trường ĐH để đáp ứng nhu cầu của SV và xã hội. Các chính sách chính đó là (<http://english.moe.go.kr/sub/info.do?m=020105&s=english>).

Tái cấu trúc các trường ĐH

Để ngăn chặn sự suy giảm chất lượng trong GD ĐH, chính phủ đã bắt đầu tái cấu trúc các trường ĐH bằng cách

giảm số lượng nhập học thông qua việc đánh giá các trường ĐH, cung cấp tư vấn cho các trường ĐH được xếp hạng thấp. Các trường ĐH ở mép biên có thể bị yêu cầu đóng cửa hoặc chuyển đổi chức năng thành các tổ chức phi lợi nhuận, cơ sở phúc lợi xã hội và các cơ sở GD nghề nghiệp.

Tái cấu trúc hệ thống GD ĐH để đáp ứng nhu cầu xã hội

Do sự không phù hợp giữa cung và cầu của thị trường lao động, các nhà máy gặp nhiều vấn đề vì thiếu nhân lực trong khi thanh niên gặp khó khăn trong việc chuyển từ môi trường học tập sang môi trường việc làm. Vì vậy, chính phủ đã hỗ trợ các trường ĐH thiết kế lại chương trình đào tạo dựa trên số lượng SV tương lai, điều chỉnh số lượng tuyển sinh và thành lập các khoa /ngành phù hợp với nhu cầu công nghiệp.

Tăng cường việc làm và khởi nghiệp của trường ĐH

Do tỉ lệ thất nghiệp trong thanh niên đang tăng, chính phủ đã hỗ trợ việc làm và năng lực khởi nghiệp của các trường ĐH. Cụ thể hơn, chính phủ đã hướng tới: 1) Thiết lập mô hình GD liên kết với thế giới việc làm; 2) Hỗ trợ tài chính cho các trường ĐH để cấu trúc và thực hiện các điều kiện học tập và làm việc đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; 3) Áp dụng chương trình đào tạo dựa trên nhu cầu của doanh nghiệp và 4) Tạo ra một hệ sinh thái khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp.

Tăng cường năng lực giảng dạy và nghiên cứu của các trường ĐH

Để nâng cao năng lực học tập và nghiên cứu của người học thời kì Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chính phủ đã: 1) Thành lập K-MOOC (Khóa học trực tuyến mở của Hàn Quốc) để bất cứ ai ở bất cứ đâu đều có thể học các khóa học trực tuyến miễn phí; 2) Hỗ trợ mạnh mẽ các khóa học nâng cao chất lượng dạy và học để tìm kiếm và mở rộng các trường ĐH xuất sắc; 3) Hỗ trợ các trường ĐH nâng cao tính cá thể hóa trong các chương trình thạc sĩ và tiến sĩ.

2.5. Mô hình giáo dục đại học của Malaysia

Là một quốc gia đa sắc tộc với khoảng 28,3 triệu người, năm 2011, Malaysia có 20 trường ĐH công lập, 53 trường ĐH tư thục và 6 trường ĐH nước ngoài, 403 trường cao đẳng tư thục, 30 trường kĩ thuật (*polytechnics*), 73 trường cao đẳng cộng đồng (<https://www.studymalaysia.com/education/higher-education-in-malaysia/the-malaysian-higher-education-system-an-overview>). Các cơ sở đào tạo ĐH này cấp nhiều loại bằng ĐH với chi phí hợp lí. Ngoài ra, Malaysia còn có nhiều chương trình ĐH liên kết với các đối tác nước ngoài như Anh, Mĩ, Úc, Canada, New Zealand, Pháp thông qua các cơ sở GD ĐH tư thục của Malaysia.

Trong số 20 trường ĐH công lập của Malaysia, 5 trường được chỉ định là ĐH nghiên cứu, 15 trường còn lại được xếp vào các trường đa ngành nghề hoặc trường đơn lĩnh vực (*comprehensive or focus universities*). Từ năm 2012, 5 trường ĐH nghiên cứu đã được trao quyền tự chủ về quản trị, nhân sự, quản lí tài chính, học tập và tuyển sinh. Động thái này nhằm mục đích thúc đẩy sự xuất sắc giữa các tổ chức GD ĐH trong nước.

Chất lượng GD ĐH

Chất lượng GD ĐH được đảm bảo thông qua cơ quan thẩm định của Malaysia (*Malaysian Qualifications Agency, MQA*) đảm nhận việc thực hiện Khung tiêu chuẩn Malaysia. Tổ chức này cũng chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng và công nhận các khóa học và các chức năng liên quan khác, bao gồm cả các tổ chức GD ĐH công lập và tư nhân. Chính phủ đã đưa ra chiến lược 10 năm cho GD ĐH với mục đích đưa Malaysia vào nhóm một phần ba quốc gia trên thế giới về GD và tăng số lượng các trường ĐH được xếp hạng toàn cầu ở Malaysia. ĐH Malaya hiện đứng thứ 27, cùng với bốn học viện của Malaysia nằm trong top 100 trong bảng xếp hạng ĐH của QS Châu Á 2016 (*QS University Rankings: Asia 2016*). Cơ sở GD ĐH xếp hạng cao nhất của Malaysia là *Universiti Teknologi Malaysia*, một trường ĐH nghiên cứu công lập chuyên về kĩ thuật và công nghệ (<http://monitor.icef.com/2016/08/malaysia-competing-greater-share-international-students/>).

Tính quốc tế hóa trong GD ĐH

Sự quốc tế hóa GD ĐH là ưu tiên hàng đầu của Bộ ĐH Malaysia. Nhiều nỗ lực đã được thực hiện nhằm nâng cao xếp hạng các trường ĐH của Malaysia trên thế giới và cải thiện vị thế của Malaysia đối với các trường ĐH nước ngoài, hợp tác và trao đổi với các trường ĐH nổi tiếng trên thế giới về các vấn đề nghiên cứu và học thuật. Năm 2017, có 177000 SV quốc tế đến học tập tại 10 cơ sở GD quốc tế tại Malaysia. Mục tiêu đặt ra tới năm 2020, Malaysia sẽ đón nhận 200 000 SV quốc tế (<http://www.thesundaily.my/news/2018/01/28/foreign-students-continue-choose-malaysia-preferred-higher-learning-destination>). Ưu điểm hàng đầu của nền GD ĐH Malaysia là chất lượng giảng dạy đạt tiêu chuẩn quốc tế nhưng chi phí rẻ.

Chính phủ tiếp tục tạo ra môi trường thân thiện và mời thêm nhiều trường ĐH đẳng cấp quốc tế hoặc các khoa thành lập tại Malaysia. Hiện nay, có 6 trường ĐH nước ngoài có chi nhánh tại Malaysia. Ngoài ra, các trường ĐH Malaysia cũng thành lập các chi nhánh tại các quốc gia khác và tăng cường hợp tác GD với các tổ chức nước ngoài.

Cơ quan quản lí GD ĐH – MOHE

Lĩnh vực GD ĐH thuộc thẩm quyền của Bộ ĐH (*the Ministry of Higher Education, MOHE*). Bộ ĐH của Malaysia giám sát các trường ĐH công lập và các tổ chức GD ĐH tư thục, các trường cao đẳng cộng đồng, các trường kĩ thuật và các cơ quan chính phủ khác tham gia vào các hoạt động GD ĐH.

3. Kết luận

Từ việc tìm hiểu mô hình GD ĐH của một số nước tiên tiến, chúng tôi rút ra một vài nhận xét làm bài học kinh nghiệm cho nền GD ĐH của Việt Nam như sau:

1/ *Tính đa dạng và linh hoạt*: Việc khảo sát mô hình GD ĐH của một số quốc gia tiên tiến cho thấy sự đa dạng và linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập của toàn xã hội. Nhiều loại hình nhà trường được công nhận và phát triển, đó là các trường công lập, tư thục, các trường ĐH phát triển theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng, các trường cao đẳng,

ĐH quốc tế... Sự liên thông giữa các trường này rất lớn.

2/ *Tính quốc tế*: Tính quốc tế của các trường ĐH tiên tiến trên thế giới rất cao. Điều này được thể hiện ở chính sách “trái thăm đũa” để đón tiếp các SV nước ngoài muốn sang du học tại Mỹ. Nhiều chương trình thạc sĩ được giảng dạy bằng tiếng Anh và có tính mở để SV quốc tế có thể theo học. Tiến trình Bologna về GD ĐH ở châu Âu và học chế tín chỉ giúp SV có thể di chuyển giữa các trường ĐH trong khu vực mà vẫn bảo lưu được số tín chỉ đã tích lũy. Tại châu Á, tính quốc tế hóa trong GD ĐH được thể hiện ở sự tăng trưởng về số lượng SV quốc tế theo học ở Hàn Quốc và Malaysia cùng với các chính sách liên kết trong đào tạo và nghiên cứu với các trường ĐH danh tiếng trên thế giới.

3/ *Tính tự chủ*: Tính tự chủ và chịu trách nhiệm về các hoạt động GD trong các trường ĐH ở các nước tiên tiến khá lớn. Các trường ĐH tại Mỹ được tự chịu trách nhiệm về tài chính, hoạch định các chương trình và thực hiện các chiến lược. Ở Pháp, mỗi cơ sở đào tạo có những quy định riêng về

tiêu chí tuyển sinh. Tại Phần Lan, các trường ĐH tự đặt chỉ tiêu tuyển sinh và lựa chọn hình thức tuyển sinh. Malaysia cho phép các trường ĐH nghiên cứu được tự chủ về quản trị, nhân sự, tài chính, tuyển sinh và đào tạo. Các trường ĐH tại Hàn Quốc cũng tự xây dựng cách thức sàng lọc và tỉ lệ sàng lọc để lựa chọn SV.

4/ *Kiểm định chất lượng*: Do đặc thù của các trường ĐH thuộc các nước tiên tiến là sự đa dạng, linh hoạt và tính tự chủ nên việc kiểm định chất lượng GD được đặc biệt coi trọng. Nước Mỹ có hệ thống kiểm định chất lượng lớn nhất thế giới. Chỉ các trường được kiểm định mới được tổ chức đào tạo. Mỹ luôn khuyến cáo các quốc gia khác không nên liên kết hoặc hợp tác đào tạo với các trường chưa được kiểm định [4]. Ở Pháp, các bằng cấp ở trình độ ĐH và sau ĐH được Nhà nước công nhận và phải tuân thủ các tiêu chí chung về chất lượng đào tạo. Cơ quan thẩm định của Malaysia kiểm định chất lượng và công nhận các khóa học của các tổ chức GD ĐH công lập và tư nhân.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Lan, (2017), *Tìm hiểu mô hình giáo dục đại học ở một số nước trên thế giới*, Tạp chí Lí luận Chính trị, số 7-2015, tr.104-108.
- [2] Lê Hoàng Việt Lâm, (2010), *Nền giáo dục Mỹ và một số gợi mở cho giáo dục đại học Việt Nam*, Hội thảo khoa học: *Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lí giáo dục đại học và cao đẳng ở Việt Nam*, Vũng Tàu, tháng 10 năm 2010, tr.188-201.
- [3] Centre for International Mobility, (2013), *What do statistics tell us about international student mobility in Finland?* p. 14.
- [4] Trịnh Ngọc Thạch, (2017), *Chính sách phát triển giáo dục đại học: Những thành công ở các nước phát triển và gợi ý bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Giáo dục, Tập 33, Số 1 (2017) 81-90.

HIGHER EDUCATION MODEL - ANALYSIS AND LESSONS FOR VIETNAM

Tran Van Top¹, Bui Thi Thuy Hang²

¹ Email: top.tranvan@hust.edu.vn

² Email: hang.buiithuy@hust.edu.vn

Hanoi University of Science and Technology
No.1, Dai Co Viet, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *This paper introduces the higher education models of several countries in three continents: North America, Europe and Asia. The various types of higher education institutions, number of student registered in higher education, University admission forms, education policies and university accreditation are analysed as well. Finally, some remarks drawn from this analysis will serve as lessons for developing higher education policies in Vietnam.*

KEYWORDS: Higher education; types of higher education institutions; higher education policies; quality of higher education.